

Bản án số: **38/2020/HSST**
Ngày **11** tháng **5** năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Huyền**

- Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Cao Biền** – Ông **Trương Quốc Hải**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà **Đinh Thị Hương** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hà Đông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Tiến Đại** – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 11/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 20/2020/HSST ngày 27 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020 ngày 24 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Trương Văn B; Sinh năm: 1992; HKTT: thôn Dân Long, xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Trương Thế I, sinh năm: 1959; Mẹ đẻ: Trương Thị V, sinh năm: 1959; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2019/HS-ST ngày 16/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt Trương Văn B **05** năm tù, về tội Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài. Hiện tại, vụ án đang trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/12/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1/ *Anh Nguyễn Viết L, sinh năm 1991. HKTT: Khối Bắc Hải, phường Nghi Thu, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt không có lý do. Người đại diện theo*

ủy quyền của ông Nguyễn Viết L: Ông *Nguyễn Văn H*, sinh năm 1963 (bố đẻ anh Lãm). Trú tại: Khôi Bắc Hải, phường Nghi Thu, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

2/ *Anh Bùi Duy N*, sinh năm 1979. HKTT: thôn Nam Hải, xã Kỳ Hải, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn B, sinh năm: 1992, hộ khẩu thường trú(HKTT): xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, làm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ thương mại HBC Việt Nam, có trụ sở tại: Số 23 LK20B, Khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Công ty HBC). Công ty HBC không được cấp Giấy phép hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Do háms lợi, Trương Văn B đã lợi dụng danh nghĩa là Tổng giám đốc Công ty HBC, tự giới thiệu bản thân có khả năng làm hồ sơ và đưa người đi xuất khẩu lao động, để chiếm đoạt tài sản của người khác. Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2017 đến tháng 5/2018 tại địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Trương Văn B 02(hai) lần dùng thủ đoạn nêu trên chiếm đoạt tài sản của người khác, chứng minh được cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 6/2017, thông qua các mối quan hệ, Trương Văn B biết anh Nguyễn Viết L, sinh năm: 1991, HKTT: phường Nghi Thu, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An, có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Úc. B tự giới thiệu với anh L là B làm được hồ sơ, thủ tục đưa người đi xuất khẩu lao động tại Úc để làm việc với mức lương 60.000.000 đồng/ tháng (Sáu mươi triệu đồng trên một tháng). B thoả thuận với anh L tổng chi phí để làm hồ sơ, thủ tục để anh L được đi xuất khẩu lao động sang Úc, anh L phải đưa cho B số tiền là 33.000 USD (Ba mươi ba nghìn đô la Mỹ). B yêu cầu anh L nộp trước cho B số tiền 16.000 USD (Mười sáu nghìn đô la Mỹ) tương đương với **362.000.000** đồng (Ba trăm sáu mươi hai triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành, khi nào sang được Úc thì nộp nốt cho B số tiền còn lại, anh Lãm đồng ý. Ngày 30/6/2017, anh L đến gặp B tại phòng 2501 Tòa nhà V2- Victoria, Khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, tại đây anh L nộp cho B số tiền **40.000.000** đồng (Bốn mươi triệu đồng) là tiền đặt cọc và một bộ hồ sơ cá nhân của anh L để B làm thủ tục cho anh L đi xuất khẩu lao động tại Úc, việc giao nhận tiền được thể hiện tại Giấy biên nhận tiền do B lập. Sau khi nhận tiền và hồ sơ

của anh L, B không đưa anh L đi làm hồ sơ cấp visa, đến ngày 21/11/2017, B gửi ảnh chụp visa mang tên L Viet Nguyen thông qua ứng dụng Zalo cho anh L và bảo anh L chuẩn bị nộp tiếp số tiền **322.000.000 đồng** (Ba trăm hai mươi hai triệu đồng) để hoàn thiện thủ tục. Ngày 23/11/2017, B trực tiếp đến nhà anh L tại khối Bắc Hải, phường Nghi Thu, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An để thu của anh L số tiền **322.000.000 đồng** (Ba trăm hai mươi hai triệu đồng), việc giao nhận tiền được thể hiện tại Biên bản nhận tiền do B lập, có chữ ký xác nhận của người làm chứng là ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1970, cùng có HKTT: Khối Bắc Hải, xã Nghi Thu, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An (ông Hoàn và bà Thịnh là bố mẹ đẻ của anh Lãm). Đồng thời, B hẹn với gia đình anh L là đến ngày 03/12/2017 anh L sẽ bay sang Úc lao động. Như vậy, đến ngày 23/11/2017, B đã nhận của anh L tổng số tiền **362.000.000 đồng** (Ba trăm sáu mươi hai triệu đồng) tương đương với số tiền 16.000 USD (Mười sáu nghìn đô la Mỹ).

Đến ngày 03/12/2017, B liên lạc với anh L thông báo hoãn lịch bay và đề nghị anh L mua vé bay vào thành phố Hồ Chí Minh ngày 06/12/2017 để từ thành phố Hồ Chí Minh bay đi Úc. Ngày 06/12/2017, khi anh L vào đến thành phố Hồ Chí Minh, gặp B ở sân bay thì được B thông báo hộ chiếu của anh L đã bị hủy nên anh L phải ra Hà Nội để làm lại hộ chiếu mới. Ngày 07/12/2017, anh L và B có mặt tại Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an thành phố Hà Nội để anh L làm thủ tục đề nghị cấp hộ chiếu mới, sau đó anh L trở về nhà tại Nghệ An. Vài ngày sau, B liên lạc hẹn anh L ngày 15/12/2017 ra Hà Nội để bay đi Úc. Ngày 14/12/2017, anh L cùng bố mẹ đẻ là ông H và bà Th đến trụ sở của Công ty HBC tại số 23 LK20B, Khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội để gặp B. Tại đây, B đã viết thêm vào Biên bản nhận tiền ngày 23/11/2017 nội dung cam kết sẽ chịu trách nhiệm về việc đưa anh L đi từ Việt Nam sang Úc, nếu có vấn đề gì về giấy tờ thì sẽ trả lại số tiền đã nhận cho gia đình anh L. Đồng thời, B hứa hẹn sẽ đặt vé máy bay cho anh L sang Singapore trước để làm thủ tục sang Úc và viết Bản cam kết về việc anh L sẽ có thẻ và hợp đồng lao động tại Singapore để sang Úc làm việc, sau đó B đóng dấu tròn đỏ của Công ty HBC và dấu chức danh Tổng giám đốc- Trương Văn B vào Bản cam kết để tạo sự tin tưởng cho gia đình anh L.

Đến ngày 15/12/2017, B đặt vé máy bay khứ hồi cho anh L sang Singapore và hứa hẹn khi anh L đến nơi sẽ có người làm thủ tục cho sang Úc. Anh L nhận vé, bay sang Singapore và ở đó 10 ngày nhưng không thấy người nào liên lạc để làm

thủ tục đưa đi Úc mà thời hạn lưu trú đã hết nên anh L lại bay về Việt Nam theo vé khứ hồi.

Sau khi từ Singapore trở về Việt Nam, anh L nhiều lần liên lạc và tìm gặp B để yêu cầu B trả lại số tiền **362.000.000** đồng (Ba trăm sáu mươi hai triệu đồng) mà anh L đã nộp nhưng không liên lạc được. Đến nay, anh L vẫn chưa xuất cảnh đi lao động tại Úc và B vẫn chưa trả lại cho anh L số tiền **362.000.000** đồng (Ba trăm sáu mươi hai triệu đồng).

Ngày 30/07/2018, anh Nguyễn Việt L đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hà Đông trình báo về sự việc nêu trên.

Lần thứ hai: Vào khoảng tháng 6/2017, thông qua các mối quan hệ, Trương Văn B biết anh Bùi Duy N, sinh năm 1979, HKTT: thôn Nam Hải, xã Kỳ Hải, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. B tự giới thiệu với anh N là B có khả năng làm hồ sơ, thủ tục đưa người đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc để làm việc với mức lương khoảng 1.000 USD/ tháng (Một nghìn đô la Mỹ trên một tháng), tổng chi phí để làm hồ sơ, thủ tục là 14.000 USD (Mười bốn nghìn đô la Mỹ). B yêu cầu anh N nộp trước cho B số tiền **100.000.000** đồng (Một trăm triệu đồng), khi nào anh N sang được Hàn Quốc thì nộp nốt số tiền còn lại cho B, anh N đồng ý.

Ngày 11/6/2017, anh N cùng vợ là chị Nguyễn Thị G, sinh năm: 1984, HKTT: Thôn Nam Hải, xã Kỳ Hải, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đến phòng 2501 Tòa nhà V2- Victoria, Khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội nộp cho B số tiền **100.000.000** đồng (Một trăm triệu đồng) và một bộ hồ sơ để B làm thủ tục cho anh N đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, việc giao nhận tiền được thể hiện tại Giấy biên nhận tiền do B lập. Theo Giấy biên nhận tiền này, B hẹn trong vòng 45 ngày kể từ khi nhận tiền sẽ hoàn tất thủ tục để đưa anh N đi lao động tại Hàn Quốc. Đến ngày 25/4/2018 (sau 318 ngày), anh N vẫn chưa được đưa đi lao động tại Hàn Quốc nên anh N đã đến gặp B. B tiếp tục viết cho anh N Giấy hẹn đến ngày 31/5/2018 sẽ làm xong thủ tục và cam kết nếu không đưa anh N đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc được thì ngày 05/6/2018 B sẽ trả lại anh N số tiền **100.000.000** đồng (Một trăm triệu đồng). Tuy nhiên, đến nay sau nhiều lần liên lạc với B nhưng không được, anh N vẫn chưa xuất cảnh đi lao động tại Hàn Quốc và B vẫn chưa trả lại số tiền **100.000.000** đồng (Một trăm triệu đồng) cho anh N.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01(một) Giấy biên nhận tiền đề ngày 30/6/2017, dưới mục nhận tiền có chữ ký, chữ viết dòng họ tên Trương Văn B; 01 (một) Bảng xác nhận công việc không đề ngày gồm 02 tờ, trên tờ số 02 dưới mục “ĐẠI DIỆN CÔNG TY BÊN VN KÝ, ĐÓNG DẤU” có dấu tròn đỏ của Công ty cổ phần DVTM HBC Việt Nam và chữ ký đứng tên tổng giám đốc Trương Văn B; 01 (một) Biên bản nhận tiền đề ngày 23/11/2017, dưới mục bên nhận tiền và lời cam đoan có chữ ký, chữ viết dòng họ tên Trương Văn B; 01 (một) Bản cam kết không đề ngày, dưới mục người cam kết có dấu tròn đỏ của Công ty cổ phần DVTM HBC Việt Nam và chữ ký đứng tên Tổng giám đốc Trương Văn B do anh Nguyễn Viết L giao nộp.

- 01 (một) Biên nhận tiền đề ngày 11/6/2017, dưới mục người nhận tiền có chữ ký, chữ viết dòng họ tên Trương Văn B; 01 (một) Giấy hẹn đề ngày 25/4/2018, dưới mục người nhận tiền có chữ ký, chữ viết dòng họ tên Trương Văn B do anh Bùi Duy N giao nộp.

- 01 (một) con dấu tròn đỏ bên mặt trên ghi “CÔNG TY CỔ PHẦN DVTM HBC VIỆT NAM” do anh Nguyễn Đăng H – cổ đông của Công ty HBC giao nộp.

Ngày 17/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hà Đông đã ra Quyết định trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của Trương Văn B trên các mẫu so sánh với các chữ viết, chữ ký trên Giấy biên nhận tiền đề ngày 30/6/2017, Bảng xác nhận công việc (không đề ngày), Biên bản nhận tiền đề ngày 23/11/2017 và Bản cam kết (không đề ngày). Tại Kết luận giám định số 8953/KLGD-PC09 ngày 03/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội, kết luận: *Chữ viết, chữ ký đứng tên Trương Văn B trên các mẫu cần giám định với chữ viết, chữ ký trên các mẫu so sánh là chữ do cùng một người viết và ký ra.*

Ngày 13/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hà Đông đã ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung chữ viết, chữ ký của Trương Văn B trên các mẫu so sánh với các chữ viết, chữ ký trên Giấy biên nhận tiền đề ngày 11/6/2017 và Giấy hẹn đề ngày 25/4/2018. Tại Kết luận giám định số 9363/KLGD-PC09 ngày 17/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội, kết luận: *Chữ viết, chữ ký đứng tên Trương Văn B trên các mẫu cần giám định với chữ viết, chữ ký trên các mẫu so sánh là chữ do cùng một người viết và ký ra.*

Ngày 03/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hà Đông ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung để giám định hình dấu tròn đỏ “CÔNG TY CỔ PHẦN DVTM HBC VIỆT NAM” trên Giấy biên nhận tiền đề ngày 30/6/2017, Bảng xác nhận công việc (không đề ngày), Biên bản nhận tiền đề ngày

23/11/2017 và Bản cam kết (không đề ngày) có phải được in ra từ con dấu tròn đỏ bên mặt trên ghi “CÔNG TY CỔ PHẦN DVTM HBC VIỆT NAM” do đại diện Công ty HBC giao nộp không. Tại Kết luận giám định số 9571/KLGD-PC09 (Đ4) ngày 27/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội, kết luận: *Hình dấu dấu tròn đỏ “CÔNG TY CỔ PHẦN DVTM HBC VIỆT NAM” trên các mẫu cần giám định được đóng ra từ con dấu tròn có nội dung “CÔNG TY CỔ PHẦN DVTM HBC VIỆT NAM” do đại diện Công ty HBC giao nộp.*

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hà Đông đã gửi Công văn đến Cục Quản lý lao động ngoài nước – Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đề nghị cung cấp thông tin, tài liệu về việc: Anh Nguyễn Viết L và anh Bùi Duy N (có lý lịch như trên) có được đơn vị nào làm thủ tục, hồ sơ đưa đi lao động ở nước ngoài hay không? Công ty cổ phần Dịch vụ thương mại HBC Việt Nam và Công ty TNHH vé máy bay trực tuyến LikeBay có được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người đi làm việc ở nước ngoài hay không? Nếu có thì được cấp phép thời gian nào?. Tại Công văn phúc đáp số 1893 ngày 02/10/2018 và số 49 ngày 09/01/2019 của Cục Quản lý lao động ngoài nước – Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội thể hiện: *Cục Quản lý lao động ngoài nước không có thông tin về anh Nguyễn Viết Lãm và Bùi Duy Nhất. Công ty HBC và Công ty LikeBay không được Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.*

Cáo trạng số 21/CT-VKS-HĐ ngày 25/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông truy tố Trương Văn Bắc về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung cáo trạng đã nêu và điều luật đã viện dẫn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015; điểm g khoản 1 Điều 52 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo: Trương Văn B tù 07 năm 6 tháng đến 08 năm tù thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2019. Trả lại Công ty cổ phần dịch vụ thương mại HBC Việt Nam 01 (một) con dấu tròn đỏ.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì thêm. Chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại là anh Nguyễn Duy N, người đại diện theo ủy quyền của anh Lãm là ông Nguyễn Văn H đề nghị Hội đồng xét xử yêu cầu bị cáo Trương Văn

Bắc phải bồi thường trả anh N số tiền 100.000.000 đồng, trả anh L số tiền 362.000.000 đồng và đề nghị xét xử bị cáo Bắc theo đúng quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]: Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về hoạt động: “Điều tra”, “Truy tố” đồng thời đã giải thích và tạo điều kiện để bị cáo và người tham gia tố tụng khác thực hiện đủ, đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

[2] Về nội dung:

2.1. Xem xét lời khai của bị cáo, đánh giá hành vi của bị cáo, đối chiếu với quy kết tại Cáo trạng số 21/2020/CT-VKS ngày 25 tháng 2 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên:

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; Kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Biết bản thân không có khả năng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài nhưng do háms lợi nên trong khoảng thời gian từ tháng 6/2017 đến tháng 5/2018, tại địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Trương Văn B đã thực hiện hai hành vi phạm tội như sau:

Lần thứ nhất: B lừa dối anh L nói là đưa anh L đi xuất khẩu lao động tại Úc, yêu cầu anh L phải đưa cho Bắc số tiền là 33.000 USD (Ba mươi ba nghìn đô la Mỹ). B yêu cầu anh L nộp trước cho Bắc số tiền 16.000 USD (Mười sáu nghìn đô la Mỹ) tương đương với **362.000.000** đồng (Ba trăm sáu mươi hai triệu đồng), khi nào sang được Úc thì nộp nốt cho B số tiền còn lại, anh L đồng ý. Ngày 30/6/2017, anh L đến gặp B tại phòng 2501 Tòa nhà V2- Victoria, Khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, tại đây anh L nộp cho B số tiền **40.000.000** đồng. Sau khi nhận tiền và hồ sơ của anh L, B không đưa anh L đi làm hồ sơ cấp visa, đến ngày 21/11/2017, B gửi ảnh chụp visa mang tên L Viet Nguyen thông qua ứng dụng Zalo cho anh L và bảo anh L chuẩn bị nộp tiếp số tiền **322.000.000** đồng (Ba trăm hai mươi hai triệu đồng) để hoàn thiện thủ tục. Ngày 23/11/2017, B trực tiếp đến nhà anh L tại khối Bắc Hải, phường Nghi Thu, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An để thu của anh L số tiền **322.000.000 đồng** (Ba trăm hai mươi hai triệu đồng), có viết giấy biên nhận. Tổng số tiền B nhận của anh L là: 362.000.000 đồng.

Lần thứ 2: B tự giới thiệu với anh N là B có khả năng làm hồ sơ, thủ tục đưa người đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc để làm việc với mức lương khoảng 1.000 USD/ tháng (Một nghìn đô la Mỹ trên một tháng), tổng chi phí để làm hồ sơ, thủ tục là 14.000 USD (Mười bốn nghìn đô la Mỹ). B yêu cầu anh N nộp trước cho B số tiền **100.000.000** đồng (Một trăm triệu đồng), khi nào anh N sang được Hàn Quốc thì nộp nốt số tiền còn lại cho B, anh N đồng ý và đã giao đủ số tiền 100.000.000 đồng. Nhưng không thấy B đưa đi xuất khẩu lao động.

Đối chiếu với quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có đủ cơ sở pháp luật quy kết bị cáo Trương Văn B phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội truy tố Trương Văn Bắc theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

2.2. Đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng đối với bị cáo.

2.2.1. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Trong khoảng thời gian tháng 6/2017 đến tháng 5/2018 bị cáo Trương Văn B đã hai lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị 462.000.000 đồng của hai người khác nhau là: “*Phạm tội nhiều lần*”. Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

2.2.2. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc Mường trình độ hiểu biết pháp luật hạn chế là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 được Hội đồng xét xử áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

2.3. Đánh giá vai trò, mức độ, tính nguy hiểm cho xã hội của bị cáo, xem xét mức hình phạt, loại hình phạt cần áp dụng đối với bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Do đó cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly bị cáo khỏi xã hội mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

2.4. Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền mà anh Nguyễn Viết L đã giao cho B: 362.000.000 đồng, anh L yêu cầu B phải bồi thường trả anh số tiền trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là số tiền của anh L đưa cho B lo chạy việc, nhưng B không làm được nên cần buộc B phải trả lại số tiền trên cho anh L.

Đối với số tiền 100.000.000 đồng mà anh Nguyễn Duy N đã giao cho B, anh Nhất yêu cầu B phải bồi thường trả anh, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là số tiền của anh N đưa cho B lo chạy việc, nhưng B không làm được nên cần buộc B phải trả lại số tiền trên cho anh N.

2.5. Vật chứng của vụ án: 01 (một) con dấu tròn đỏ bên mặt trên ghi “CÔNG TY CỔ PHẦN DVTM HBC VIỆT NAM” do anh Nguyễn Đăng H – cổ đông của Công ty HBC giao nộp là con dấu của Công ty nên trả lại cho Công ty.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: **Trương Văn B** phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: **Trương Văn B: 08 (Tám) năm tù** thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2019.

Về trách nhiệm dân sự: buộc Trương Văn B phải có trách nhiệm bồi thường trả cho người bị hại, cụ thể như sau:

1/ Trả anh Nguyễn Viết L số tiền 362.000.000 đồng.

2/ Trả anh Nguyễn Duy N số tiền 100.000.000 đồng.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Trả lại Công ty cổ phần dịch vụ thương mại HBC Việt Nam 01 (một) con dấu tròn đỏ bên mặt trên ghi “CÔNG TY CỔ PHẦN DVTM HBC VIỆT NAM” do anh Nguyễn Đăng H – cổ đông của Công ty HBC giao nộp.

(Có tình trạng như biên bản bàn giao ngày 11 tháng 5 năm 2020 giữa Công an quận Hà Đông và Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông).

Căn cứ Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 22.480.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, Người bị hại, Người đại diện của người bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

NƠI GỬI:

- TAND thành phố Hà Nội;
- Sở T^ố pháp Hà Nội;
- VKSND, Công an quận Hà Đông.
- THAHS, THADS quận Hà Đông;
- Bị cáo; Bị hại;
- L^{ưu} HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Nguyễn Thị Thanh Huyền

